

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 12a/2025/HNGĐ-ST

Ngày 09-4-2025

“V/v: Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Dương Thanh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Mỏ Măng; ông Phạm Xuân Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhị - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 09/4/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 498/2024/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/3/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Trảng P, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện Hiệp H, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1963. Địa chỉ: Thôn Hòa T, xã Hòa Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đỗ Trảng P trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi với bà Trần Thị H là vợ chồng, chúng tôi kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Hiệp H, tỉnh Bắc Giang vào tháng 10 năm 1986. Tuy nhiên do thời gian đã lâu, nhà cửa lại tu sửa nhiều lần nên giấy chứng nhận kết hôn của chúng tôi đã bị thất lạc. Sau đó tôi có đến UBND xã N xin cấp Trích lục kết hôn. Nhưng do thời gian đã lâu lại qua nhiều lần bàn giao của các bộ phận chuyên môn các thời kỳ nên hiện hồ sơ gốc không còn lưu lại UBND xã N, vì vậy UBND xã N không cấp Trích lục kết hôn cho tôi được mà UBND xã N xác nhận là chúng tôi có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Hiệp H, tỉnh Bắc Giang.

Sau khi cưới chúng tôi sinh sống ở xã N, huyện Hiệp H, tỉnh Bắc Giang. Đến năm 1989 thì chúng tôi mới sinh con và đến năm 1993 thì sinh con thứ 2. Tuy nhiên sau khi sinh con thứ hai xong thì chúng tôi không sống chung cùng với nhau nữa. Lý do là hai vợ chồng

không hiểu nhau, có quan điểm và suy nghĩ khác nhau về cuộc sống và các mối quan hệ xã hội nên đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Và bà Trần Thị H đã bỏ vào thôn Hòa Th (nay là Thôn Hòa T), xã Hòa Đ, huyện K để ở và cư trú tại đây từ năm 1993 cho đến nay (bà Trần Thị H đã đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Hòa Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trong hộ ông Lê Kim C, số 160276970, hồ sơ hộ khẩu số 3/103 ngày 10/4/2012). Trong khi đó bản thân tôi thì vẫn cư trú và sinh sống tại xã N, huyện Hiệp H, tỉnh Bắc Giang từ trước cho đến nay.

Do chúng tôi đã sống ly thân nhiều năm nay mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai nữa. Và bà Hồng cũng đã có cuộc sống riêng của bà. Xét mục đích hôn nhân của chúng tôi không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. Nên tôi đã nộp đơn khởi kiện đến Tòa án để xin được ly hôn với bà Trần Thị H. Nguyện vọng của tôi đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho tôi với bà Trần Thị H được ly hôn.

- *Về con chung*: Giữa chúng tôi có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Tuyết H1, sinh ngày 05/05/1989 và cháu Đỗ Tràng T1, sinh ngày 08/01/1993. Hiện nay các cháu đều đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng và tự quyết định cuộc sống của các cháu nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Các con chung đều đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung, về nợ chung*: Chúng tôi không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì thêm.

*** *Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị H trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân*: Tôi với ông Đỗ Tràng P kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Hiệp H, tỉnh Bắc Giang vào tháng 10 năm 1986. Tuy nhiên do thời gian đã lâu nên giấy chứng nhận kết hôn của chúng tôi đã bị thất lạc.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian và sau khi sinh con thứ hai xong thì vợ chồng mâu thuẫn nên không ở chung với nhau nữa. Khoảng cuối năm 1993 thì tôi vào Đắk Lắk sinh sống từ đó cho đến nay, còn ông Phở vẫn sinh sống ngoài đó. Giữa tôi và ông Phở không ai quan tâm ai, ai có cuộc sống người đó. Sau khi vào Đắk Lắk sinh sống thì tôi đã chung sống như vợ chồng với ông Lê Kim C, sinh năm 1952, có địa chỉ tại thôn Hòa Th (nay là thôn Hòa T) xã Hòa Đ. Quá trình sinh sống cùng với ông C thì giữa chúng tôi đã có 01 con chung là cháu Lê Thị H2 sinh năm 2000. Và cho tới thời điểm hiện nay thì tôi vẫn sinh sống tại đây. Hiện nay ông Lê Kim C đã chết, ông C chết năm 2022.

Tuy nhiên, nay ông Đỗ Tràng P làm đơn khởi kiện xin được ly hôn với tôi Trần Thị H thì tôi không đồng ý. Mặc dù tôi và ông P không ở chung với nhau từ năm 1993, tôi đã chung sống như vợ chồng với ông Lê Kim C, sinh năm 1952, có địa chỉ tại thôn Hòa Th (nay là thôn Hòa T) xã Hòa Đ (nhưng hiện ông Cg đã chết), có 01 con chung với ông C là cháu Lê Thị H2 sinh năm 2000. Nhưng tôi vẫn không đồng ý ly hôn với ông Đỗ Tràng P. Trường hợp ông P vẫn cương quyết ly hôn thì đề nghị giải quyết theo quy định.

- *Về con chung*: Giữa tôi với ông P có 02 con chung là cháu Đỗ Thị Tuyết H1, sinh ngày 05/05/1989 và cháu Đỗ Tràng T1, sinh ngày 08/01/1993. Hiện nay các cháu đều đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng và tự quyết định cuộc sống của các cháu nên tôi không

yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về cấp dưỡng*: Do các con chung đều đã trên 18 tuổi nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, về nợ chung*: Chúng tôi không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tôi không có ý kiến gì thêm.

Quá trình làm việc, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự với nhau nhưng bà Trần Thị H không đồng ý ly hôn trong khi đó ông Đỗ Trảng P vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với bà Trần Thị H. Do đó, căn cứ Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

- *Về tố tụng*: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự là nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Đỗ Trảng P được ly hôn với bà Trần Thị H.

2. Về con chung: 02 con chung là Đỗ Thị Tuyết H1, sinh ngày 05/05/1989 và Đỗ Trảng T1, sinh ngày 08/01/1993. Hiện nay đều đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng và tự quyết định cuộc sống của mình. Vì vậy, không đề cập để giải quyết.

3. Về tài sản chung, về nợ chung: Ông Đỗ Trảng P và bà Trần Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đề cập để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn ông Đỗ Trảng P khởi kiện đối với bị đơn bà Trần Thị H cư trú tại thôn Hòa T (trước đây là Hòa Th), xã Hòa Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của ông Đỗ Trảng P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Vì vậy xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Đỗ Trảng P làm đơn xin được ly hôn với bà Trần Thị H. Hội đồng xét xử thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Qua các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp kèm theo đơn khởi kiện và việc thu thập chứng cứ của Tòa án có trong hồ sơ thể hiện:

Ông Đỗ Tràng P với bà Trần Thị H kết hôn trên cơ sở tình yêu tự nguyện, tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Hiệp H, tỉnh Bắc Giang vào năm 1986. Tuy nhiên hiện nay Giấy chứng nhận kết hôn của ông bà đã bị thất lạc và được Ủy ban nhân dân xã N xác nhận (Bút lục 07). Do đó, xác định hôn nhân giữa ông P và bà H là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn: Ông P và bà H đều thừa nhận: Sau khi kết hôn thì ông bà chung sống hạnh phúc được thời gian và sau khi sinh con thứ hai xong thì nảy sinh mâu thuẫn nên không ở chung với nhau nữa. Khoảng cuối năm 1993 thì bà H vào Đắk Lắk sinh sống. Sau khi vào Đắk Lắk sinh sống thì bà H đã chung sống như vợ chồng với ông Lê Kim C, sinh năm 1952, có địa chỉ tại thôn Hòa Th (nay là thôn Hòa T) xã Hòa Đ. Năm 2012 thì bà Trần Thị H đã đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Hòa Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trong hộ ông Lê Kim C, số 160276970, hồ sơ hộ khẩu số 3/103 ngày 10/4/2012. Quá trình sống cùng với ông Cương thì ông bà có 01 con chung. Và cho tới thời điểm hiện nay thì bà vẫn sinh sống tại đây. Hiện nay ông Lê Kim C đã chết, ông Cương chết năm 2022. Trong khi đó ông Đỗ Tràng P thì vẫn cư trú và sinh sống tại xã N, huyện Hiệp H, tỉnh Bắc Giang từ trước cho đến nay. Giữa bà H với ông P không ai quan tâm ai, ai có cuộc sống người đó.

Ngoài ra, theo biên bản xác minh của Tòa án tại địa phương (BL 23-24) thể hiện “...Bà Trần Thị H, sinh năm 1963 và ông Lê Kim C, sinh năm 1952 sinh sống tại thôn Hòa Th, Hòa Đ, K, Đắk Lắk sinh sống với nhau như vợ chồng và không đăng ký kết hôn tại xã Hòa Đ. Hiện tại thì ông Lê Kim C đã chết, ông C và bà H có với nhau 01 con chung.”.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, có nghĩa vụ chung sống với nhau.

Như vậy, căn cứ vào tình trạng hôn nhân thực tế giữa ông P với bà H, xét mâu thuẫn giữa ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Đỗ Tràng P yêu cầu xin được ly hôn đối với bà Trần Thị H là có căn cứ. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Đỗ Tràng P, cho ông Đỗ Tràng P được ly hôn với bà Trần Thị H.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống, giữa ông P với bà H có 02 con chung là: Đỗ Thị Tuyết H1, sinh ngày 05/05/1989 và Đỗ Tràng T1, sinh ngày 08/01/1993. Hiện nay các cháu đều đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng và tự quyết định cuộc sống của các cháu. Ông P, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập để giải quyết.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Do các con chung đều đã trên 18 tuổi. Ông Phô, bà Hồng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập để giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Đỗ Tràng P và bà Trần Thị H xác định ông bà không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập để giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Đỗ Tràng P phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông Phô là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên ông được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tại phiên tòa là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Tràng P được ly hôn với bà Trần Thị H.

2. Về nuôi con chung:

- Đối với con chung là Đỗ Thị Tuyết H1, sinh ngày 05/05/1989 và Đỗ Tràng T1, sinh ngày 08/01/1993. Hiện nay đều đã trên 18 tuổi, đã có cuộc sống riêng và tự quyết định cuộc sống của mình. Ông P, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Tòa án không đề cập để giải quyết.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông Đỗ Tràng P và bà Trần Thị H xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đề cập để giải quyết.

4. Về nợ chung: Ông Đỗ Tràng P và bà Trần Thị H xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không đề cập để giải quyết.

5. Về án phí: Ông Đỗ Tràng P được miễn tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện Krông Pắc;
- UBND xã N, huyện Hiệp H, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Dương Thanh